

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2019/HNGĐ – ST

Ngày: 08 – 8 – 2019

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

□ □□□

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng Chi**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Mua**.

2. Ông **Phan Kiên Nhẫn**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày **08** tháng **8** năm **2019**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2019/TLST– HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Kim Q**, sinh năm 1990 (Có mặt)

* Bị đơn: Anh **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp ĐT, xã NTứ, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị **Ngô Thị Kim Q** trình bày:

Vào năm 2015 trên cơ sở quen biết, tìm hiểu nhau, được sự đồng ý của gia đình chị **Q** với anh **Đ** tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/6/2015 tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian hạnh phúc vợ chồng được khoảng 02 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay. Hiện chị **Q** không còn tình cảm với anh **Đ** nên yêu cầu ly hôn. Về con chung: Chị **Q** yêu cầu nuôi con chung tên **Phạm Nhã U**, sinh ngày 29/02/2016, yêu cầu anh **Đ** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng cho đến

khi cháu U tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Phạm Văn Đ trình bày: Anh Đông thống nhất theo trình bày của chị Q về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Do vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm. Chị Q tự ý bỏ ra ở riêng không có sự đồng ý của anh Đ.

Nay anh Đ đồng ý ly hôn với chị Q. Về con chung: Yêu cầu nuôi con chung tên Phạm Nhã U, sinh ngày 29/02/2016, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ vắng mặt Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tổng tụng cho anh Đ, nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan để đến Tòa án thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Đông.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: đã được công bố tại biên bản tiếp cận, kiểm tra, giao nộp công khai, chứng cứ và hòa giải ngày 21/6/2019

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

+ Về hôn nhân: Chị Q trình bày vào năm 2015, trên cơ sở quen biết và được sự đồng ý của gia đình, chị Q và anh Đ có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/6/2015 tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Đây là hôn nhân hợp pháp nên các đương sự không phải chứng minh.

+ Về con chung: Chị Q và anh Đ thống nhất trình bày có một con chung tên Phạm Nhã U, sinh ngày 29/02/2016.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q và anh Đ trình không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên tình tiết, sự kiện này đương sự không cần phải chứng minh.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự, không thống nhất: Không có.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và qua hai lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho các đương sự trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, khách quan những tình tiết của vụ án; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện chị Q yêu cầu được ly hôn với anh Đông là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và

điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ việc:

[3]. Xét về hôn nhân: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, chị Q yêu cầu ly hôn với anh Đ là có cơ sở xem xét, bởi vì theo như chị Q trình bày là vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung, đến tháng 10/2017 thì ly thân cho đến nay. Trong thời ly thân chị Q và anh Đ không giải quyết mâu thuẫn để về đoàn tụ. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q đối với anh Đ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ;

[4]. Về con chung: Chị Q yêu cầu nuôi cháu Phạm Nhã U, sinh ngày 29/02/2016. Chị Q yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Q là cháu U là có cơ sở xem xét. Bởi vì: Từ khi chị Quyên và anh Đông ly thân thì cháu Uyên do chị Q nuôi dưỡng, để không làm ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của cháu. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin nuôi con của chị Q là có căn cứ đúng pháp luật.

Tiếp tục giao cháu Phạm Nhã U, sinh ngày 29/02/2016 cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Q yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật mỗi tháng 745.000đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Q cho đến khi cháu Nhã U tròn 18 tuổi.

Anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Xét về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Xét về nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Q phải chịu số tiền 300.000đồng tiền án phí về việc xin ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số Nợ 0011804 ngày 22/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

Anh Đ phải chịu 300.000đồng tiền án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 2, Điều 19, Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Kim Q.

- Về hôn nhân: Chị Ngô Thị Kim Q được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu tên Phạm Nhã U, sinh ngày 29/02/2016 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phạm Văn Đ cấp dưỡng nuôi con Phạm Nhã U, sinh ngày 29/02/2016 với số tiền 745.000đ/tháng cho đến khi cháu Nhã U tròn 18 tuổi.

Anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Q phải chịu số tiền 300.000đồng tiền án phí về việc xin ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số N_o 0011804 ngày 22/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

Anh Đ phải chịu 300.000đồng tiền án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai báo cho chị Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với anh Phạm Văn Đ vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- UBND xã NT, huyện TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Trần Thị Hồng Chi